TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: **08/8/2017**.
"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà**Trương Thị Tố Uyên**
- Hội thẩm nhân dân:
  1. Bà ***Nguyễn Thị Thùy Liễu.***
  2. Bà ***Nguyễn Thị Tiến***
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà ***Mai Hương Sen*** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà: Ông ***Nguyễn Văn Tưởng*** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 213/2017/ST-HNGĐ ngày 12/5/2017 về việc ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2017/QĐ-HPT ngày 24/7/2017giữa:

- Nguyên đơn: Chị**Bùi Thị Th**, sinh năm 1985.

Đăng ký hộ khẩu: Số 157 Phan Đình Ph, phường Cẩm Th, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn Thọ X, xã Nam S, huyện TM, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên toà.

- Bị đơn: Anh**Đỗ Tiến Ch**, sinh năm 1983

Đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: Số 157 Phan Đình Ph, phường Cẩm Th, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện anh Ch không có mặt tại địa phương; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày: Chị và anh Ch được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại UBND phường Cẩm Th, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 12/6/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc

được khoảng 1 đến 2 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Ch sống vô trách nhiệm về mọi mặt với 3 mẹ con chị. Kể từ khi vợ chồng lấy nhau, sinh được 02 con cho đến năm 2016, một mình chị lo đi làm kiếm tiền bươn trải với cuộc sống gia đình. Trong suốt gần 10 năm qua, anh Ch không giúp đỡ chị được gì về vật chất và tinh thần, không những vậy mà anh Ch không để mẹ con chị được sống yên ổn, hàng tháng chưa đến ngày lĩnh lương anh đã yêu cầu chị phải đưa tiền cho anh, có những lần chị đưa tiền cho anh đi đóng tiền học cho con anh cũng không đóng, anh còn đến gặp cô giáo của con để vay tiền quĩ lớp, tiền mừng tuổi trong con lợn nhựa của con chị anh Ch cũng móc lấy mất. Khi sinh con chị mua trả góp được chiếc điều hòa và chiếc máy giặt cũ để dùng, anh Ch cũng tháo đi bán lấy tiền chi tiêu cho bản thân. Chị đã nhờ bố mẹ 2 bên khuyên ngăn, động viên anh Ch nhưng anh Ch không những không nghe lời mà ngày càng đua đòi bạn bè, chơi bời nhiều hơn, dẫn đến nợ nần càng nhiều. Sau đó, các đối tượng là xã hội đen đến nhà chị đe dọa và theo chân chị hàng ngày khi đi làm, họ yêu cầu chị phải trả tiền nợ thay cho anh Ch vì lúc này anh đã bỏ đi trốn nợ không có mặt ở nhà. Mặt khác anh Ch đã trực tiếp dặn dò chị *"em phải cẩn thận khi ra đường phải đeo khẩu trang, bịt kín mặt vào không thì bọn xã hội đen nó thịt đấy"*. Từ đó, chị rất hoang mang, lo sợ cho bản thân và lo lắng cho các con, để an toàn đến tính mạng của 3 mẹ con, chị đã đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ tại thônThọ X, xã Nam S, huyện TM, tỉnh Hải Dương sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ từ đầu năm 2017 cho đến nay. Trong suốt thời gian gần một năm nay anh Ch ở đâu làm gì chị cũng không biết và anh cũng không có trách nhiệm thăm hỏi gì đến các con. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không còn tình nghĩa gì với anh Ch và không thể chịu đựng thêm một ngày nào nữa khi vẫn mang danh nghĩa vợ chồng với anh Ch mà sống chết lúc nào không hay biết vì chồng. Từ những lý do trên, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch sớm để mẹ con chị được sớm ổn định tinh thần và ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải bị đơn là anh Đỗ Tiến Ch trình bầy: Anh với chị Bùi Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/6/2007 tại UBND phường Cẩm Th, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng thời gian là tám năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh làm ăn thua lỗ dẫn đến một mình chị Th phải bươn chải, lo toan cho cuộc sống hàng ngày, toàn bộ chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình một mình chị Th phải gánh vác nên có thể đó là nguyên nhân dẫn đến việc chị Th cảm thấy mệt mỏi, chán nản vì anh. Anh xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và ảnh hưởng đến tinh thần của các con, nguyên nhân chính là do anh gây ra, chị Th không chịu đựng được nữa mới xin ly hôn anh. Mặt khác do các đối tượng là xã hội đen thường xuyên

lùng sục tìm anh để đòi nợ, không có tiền trả anh phải tránh mặt, nay chỗ này, mai chỗ khác, không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án liên lạc được. Anh đề nghị Tòa án liên lạc qua điện thoại với anh hoặc gửi văn bản tố tụng về địa chỉ gia đình anh để bố mẹ anh thông báo cho anh hoặc thông qua chị Th thông báo cho anh biết. Nếu anh bố trí có thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được thì anh sẽ chủ động đến Trụ sở Tòa án, anh có nguyện vọng được đoàn tụ vợ chồng với chị Th. Nếu không liên lạc được với anh mà chị Th cương quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa sơ thẩm.

Về con chung: Chị Th và anh Ch đều xác định có 02 con chung là Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 21/5/2008 và Đỗ Tiến Nhật H1, sinh ngày 27/12/2012.

Quan điểm của chị Th: Chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con và tự nguyện không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng tiền nuôi các con. Hiện nay chị có công việc làm ổn định, chị đi làm thêm ngoài giờ và ngày nghỉ, có thu nhập hàng tháng khoảng từ 9 đến 10 triệu đồng. Đủ, đảm bảo cho sinh hoạt nuôi sống ba mẹ con chị. Ngoài ra, bố mẹ đẻ chị cũng có hỗ trợ mẹ con chị về chỗ ở, gạo ăn hàng ngày, hỗ trợ đưa đón các cháu đi học giúp chị.

Quan điểm của anh Ch: Anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Nếu chị Th cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các con anh và căn cứ quy định Pháp luật để giải quyết vụ án, anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Th và anh Ch đều xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình điều tra xác minh tại địa phương nơi chị Th và anh Ch cư trú. Đại diện khu dân cư và lời khai của những người hàng xóm thể hiện: anh Ch và chị Th là công dân của khu dân cư số 1 phường Cẩm Th, thành phố H. Gia đình anh Ch chấp hành mọi chủ trương chính sách và các qui định tại địa phương. Tuy nhiên, trong cuộc sống hàng ngày của vợ chồng anh Ch, chị Th có nhiều mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do anh Ch chơi bời, nợ nần chồng chất, đó là nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng anh Ch mâu thuẫn. Hiện anh Ch làm gì, ở đâu, chính quyền địa phương và bố mẹ anh Ch không biết, anh Ch không xin tạm vắng và gia đình anh Ch không báo cáo với khu dân cư. Gần đây có các đối tượng xã hội đen đến nhà anh Ch đập cổng, đổ chất bẩn lên cửa cổng và to tiếng tại khu dân cư. Quan điểm của khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn anh Ch và giao 02 con cho chị Th nuôi dưỡng để đảm bảo an toàn tính mạng và đảm bảo cuộc sống tương lai của mẹ con chị Th.

Thông qua gia đình anh Ch nên anh Ch đã có mặt tại Tòa án để nhận trực tiếp các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án,thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. anh Ch đã viết bản tự khai đầy đủ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải thể hiện ý kiến và quan điểm rõ ràng. Sau khi thông qua biên bản hòa giải, anh Ch thừa nhận lời trình bày của chị Th và ý kiến của anh là hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, anh Ch cho rằng không đồng ý ly hôn nên không ký tên vào biên bản phiên họp và biên bản hòa giải tự bỏ về, có người làm chứng về việc anh Ch bỏ về và ký tên vào các biên bản nêu trên.

Tại phiên toà nguyên đơn là chị Bùi Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch và được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng tiền nuôi con, ngoài ra không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX Áp dụng Điều 51, 56 , 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. *1. Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Đỗ Tiến Ch; *2. Về con chung*: Giao 02 con là Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 21/5/2008 và Đỗ Tiến Nhật H1, sinh ngày 27/12/2012 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 8/2017 đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết. Về án phí: chị Bùi Thị Th phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*:Do anh Ch không có mặt tại địa phương, anh Ch ở địa chỉ nào chị Th và gia đình anh Ch đều không biết. Tòa án đã tống đạtQuyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự cho anh Ch đến tham gia tố tụng tại phiên tòa thông qua người thân là bố mẹ đẻ củaanh Ch. Đồng thời Tòa án niêm yết các văn văn bản tố tụng nói trên tại gia đình anh Ch; niêm yết tại UBND phường Cẩm Th và niêm yết tại Trụ sở Tòa án theo qui định của pháp luật. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng, đã tiến hành giải quyết vụ ánđảm bảo tính hợp lệ việc tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với nguyên, bị đơn nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cũng như tạo điều kiện để bị đơn là anh Đỗ Tiến Ch thực hiện quyền,

nghĩa vụ của mình. Do vậy tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

- *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn*: Chị Bùi Thị Th và anh Đỗ Tiến Ch kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Cẩm Th, thành phố H vào ngày 12/6/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu, nguyên nhân mâu thuẫn chính là anh Ch đua đòi chơi bời, làm ăn thua lỗ dẫn đến vay nợ chồng chất. Mọi sinh hoạt trong gia đình một mình chị Th phải bươn chải, lo toan, gánh vác trong suốt nhiều năm kể từ khi vợ chồng lấy nhau cho đến năm 2016. Từ đó, dẫn đến việc chị Th mệt mỏi, chán nản, tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt rồi sống ly thân nhau. Mặt khác, bản thân anh Ch cũng xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và ảnh hưởng đến tinh thần của các con, nguyên nhân chính là do anh Ch gây ra, chị Th không chịu đựng được mới xin ly hôn anh Ch. Ngoài ra, do không có tiền trả nợ nên anh phải tránh mặt, nay chỗ này, mai chỗ khác nên các đối tượng xã hội đen theo dõi đòi tiền và đe dọa đến tính mạng của chị Th, làm chị rất hoang mang, lo sợ. Chị Th xin ly hôn anh Ch, anh không đồng ý nhưng anh Ch không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện không có mặt tại địa phương. Lý do anh không đồng ý ly hôn không phải là cơ sở để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau…HĐXX xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Đỗ Tiến Ch là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung:* Chị Th, anh Ch xác định có hai con chung là Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 21/5/2008 và Đỗ Tiến Nhật H1, sinh ngày 27/12/2012, hiện nay, các con đang ở cùng chị Th. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế. anh Ch thể hiện quan điểm, anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Nếu chị Th cương quyết xin ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các con và căn cứ qui định của pháp luật để giải quyết về con chung. Tại lời khai của cháu H con chị Th, anh Ch cháu thể hiện có nguyện vọng được ở với mẹ và em. Mặt khác tại lời khai của ông Đỗ Tiến Nh và bà Nguyễn Thị T là bố mẹ đẻ của anh Ch thể hiện ý kiến *"nếu Tòa án giải quyết cho*

chị Th ly hôn anh Ch thì chúng đề nghị Tòagiao cả 02 con cho mẹ (chị Th) hoặc giao cả 02 con cho bố (anh Ch) nuôi dưỡng để tránh việc các cháu bị ảnh hưởng về tâm lý khi tách 02 cháu mỗi đứa một nơi. Tuy nhiên, hiện nay anh Ch không có mặt tại địa phương, không có công ăn việc làm ổn định, nên giao cả 02 con cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo cuộc sống cho các cháu". Ngoài ra tại các biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của những người hàng xóm cũng thể hiện và đề nghị Tòa án nên giao 02 con cho mẹ các cháu để đảm bảo cuộc sống và đảm bảo an toàn cho các cháu. Tuy nhiên, do các đương sự không tự thoả thuận được về người trực tiếp nuôi dưỡng con khi ly hôn nên HĐXX sẽ xem xét giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con và theo quy định của pháp luật.Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con; HĐXX thấy rằng chị Th trình bày và cung cấp các tài liệu chứng minh mức thu nhập khá, đủ khả năng nuôi dưỡng các con, chị là công nhân của Công ty sứ Hải Dương, mức thu nhập mỗi thỏng khoảng 6.500.000đ, ngoài ra còn có khoản thu nhập do tăng ca và làm thuê ngoài giờ và ngày nghỉ, ngày lễ khoảng 3.000.000đ/tháng. Tổng 02 khoản chị có mức thu nhập trung bình từ 09 đến 10 triệu đồng (BL 58-64). Về các điều kiện khác như thời gian chăm sóc các con, hiện chị đang sống cùng bố mẹ đẻ có điều kiện chỗ ở rộng rãi, tiện nghi đầy đủ, chị trực tiếp và có ông bà ngoại phụ giúp việc đưa đón các con đi học. Mặt khác, các con ở với chị Th từ nhỏ, sức khỏe và sự phát triển về trí tuệ của các con hoàn toàn tốt như những đứa trẻ khác. Trong khi đó, hiện nay anh Ch không có mặt địa phương, ở đâu, làm gì bố mẹ đẻ anh Ch và chị Th đều không biết, anh Ch không có việc làm ổn định, không có thu nhập không thể đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Căn cứ cơ sở điều kiện thực tế của cha mẹ, xét việc giao các con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho các con chung và phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với việc chị Th tự nguyện không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi các con chung. HĐXX thấy rằng hiện nay chị Th có công việc làm ổn định, thu nhập khá, có khả năng đảm bảo cuộc sống cho các con chung, sự tự nguyện của chị Th phù hợp pháp luật, cần chấp nhận. Mặt khác, hiện nay anh Ch không có mặt tại địa phương, không có việc làm, không có thu nhập. Do đó, không buộc anh Ch phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp. Nếu sau này anh Ch trở về gia đình, cú điều kiện về mọi mặt để đảm bảo cuộc sống cho con, anh có thể đề nghị Tòa án giải quyết điều chỉnh việc nuôi cho anh theo qui định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, về nợ về công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Chị Th và anh Ch đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản tiền gần 100.000.000đ như bố mẹ đẻ chị Th là ông Bùi Đức H2 và bà Bùi Thị B khai có vay hộ riêng cho anh Ch. Tuy nhiên, ông bà lại có

đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ch phải trả nợ trong vụ án này. Nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Bùi Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; *khoản 2* Điều 227 *(triệu tập hợp lệ lần thứ 2);* khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Đỗ Tiến Ch.

2. Về con chung: Xử giao con là Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 21/5/2008 và Đỗ Tiến Nhật H1, sinh ngày 27/12/2012 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 8/2017 đến khi các con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

Anh Đỗ Tiến Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, về nợ, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị Th, anh Ch đều xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AB/2014/0002861 ngày 11 tháng 5 năm 2017 do chị Th nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hải Dương. Chị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Báo cho nguyên đơn là chị Bùi Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh Đỗ Tiến Ch vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THA dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Cẩm Th, TPHD;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Trương Thị Tố Uyên